TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU KÈ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:22/2022/HS-ST
Ngày: 06-5-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thúy Phượng;

2. Ông Thạch Ân;

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lâm Thành Tú, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2022/TLST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo:

Võ Thanh T, sinh năm 1974 tại thành phố Hồ Chí Minh. Nơi ĐKHKTT: 27/2 Nam L, xã Bà Đ, huyện Hóc M, thành phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở hiện nay: ấp D, xã An Phú T, huyện Cầu K, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Con ông Võ Văn H, sinh năm 1943 (đã chết) và bà Phan Thị T, sinh năm 1946; Vợ Trịnh Thị Thúy V, sinh năm 1984; Con có 02 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27 tháng 01 năm 2022 đến nay (bị cáo có mặt).

Bị hại:

Chị Thạch Thị Sa N, sinh năm 1993

Địa chỉ: ấp 2, xã Phong P, huyện C, tỉnh Trà Vinh

Người làm chứng:

1. Chị Trịnh Thị Thúy V, sinh năm 1984

Địa chỉ: ấp Dinh A, xã An P T, huyện C, tỉnh Trà Vinh

2. Anh Trần Phong N, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp G L, xã Hòa Â, huyện Cầu K, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 02 tháng 11 năm 2021 bị cáo Võ Thanh T một mình điều khiển xe mô tô biển số 51K1-807.46 từ nhà đi đến đến máy rút tiền tự động (trụ ATM) của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Cầu Kè (Agribank) tại khóm 5, thị trấn Cầu Kè, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh để thực hiện giao dịch rút tiền. Khi đến nơi, bị cáo thấy bà Thạch Thị Sa N đang thực hiện giao dịch rút tiền tại trụ ATM bên phải theo hướng từ ngoài nhìn vào (trụ ATM có 02 máy rút tiền tự động) nên bị cáo đứng chờ phía bên ngoài. Do việc giao dịch lâu, tiền từ trụ ATM chưa chạy ra nên bà Sa N nghĩ rằng trụ ATM bị lỗi, giao dịch không thành công nên bà Sa N qua trụ ATM bên trái để tiếp tục thực hiện giao dịch rút tiền. Lúc này, bị cáo vào trụ ATM bên phải để giao dịch rút tiền thì nhìn thấy ở khay đựng tiền có 2.000.000đ (hai triệu đồng) gồm 04 (bốn) tờ tiền, mỗi tờ có mệnh giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) của bà Sa N thực hiện giao dịch rút tiền trước đó chạy ra nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt. Bị cáo xoay ngoài đứng che trụ ATM (che phần khay đựng tiền) để bà Sa N không nhìn thấy, sau đó bị cáo dùng tay trái lấy tiền đưa qua tay phải để gấp đôi các tờ tiền lại rồi đưa vào lòng bàn tay trái (lúc này bà Sa N đang ở trụ ATM bên trái). Sau khi lấy tiền xong, bị cáo quan sát thấy bà Sa N đã rời khỏi trụ ATM nên bị cáo lấy số tiền trên bỏ vào túi quần phía sau bên trái rồi tiếp tục thực hiện việc giao dịch rút tiền của mình. Sau khi thực hiện việc giao dịch rút tiền xong thì bị cáo điều khiển xe về nhà.

Sau khi đi khỏi trụ ATM khoảng 15 phút, bà Sa N nhận được tin nhắn của Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu (ACB) thông báo là đã thực hiện giao dịch thành công, tài khoản bị trừ số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) nên bà Sa N quay trở lại trụ ATM để kiểm tra thì phát hiện đã bị mất số tiền trên nên đến Công an thị trấn Cầu Kè trình báo sự việc. Nhận thấy vụ việc vượt thẩm quyền giải quyết nên Công an thị trấn Cầu Kè chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè để giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra bị cáo khai nhận do gia đình khó khăn, thu nhập không ổn định nên khi thấy số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) của bà Sa N tại khay đựng tiền của trụ ATM bị cáo đã nãy sinh lòng tham nhất thời và lén lúc lấy trộm mục đích để chi tiêu, sinh hoạt trong trong gia đình.

Về vật chứng vụ án: số tiền 2.000.000 đồng bị cáo đã tự nguyện giao nộp. Công an thị trấn Cầu Kè đã trao trả cho bà Thạch Thị Sa N.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại số tiền 2.000.000 đồng. Không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Tại Cáo trạng số 21/CT-VKS-HS ngày 06/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Võ Thanh T về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích các chứng cứ buộc tội bị cáo, phân tích các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên cáo trạng đã truy tố và đề nghị: áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Võ Thanh T phạm tội"Trộm cắp tài sản". Đề nghị xử phạt bị cáo Võ Thanh T từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, giao bị cáo cho UBND xã An Phú Tân và gia đình bị cáo giám sát, giáo dục bị cáo. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại gì thêm nên không xem xét. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2014/UBTVQH14 về án phí lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Võ Thanh T không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Bị cáo Võ Thanh T nói lời sau cùng: Bị cáo cảm thấy ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung Cáo trạng đã mô tả, hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra; Phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng; Và còn phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Vào khoảng 17 giờ ngày 02 tháng 11 năm 2021 bị cáo Võ Thanh T đến Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Cầu Kè tại khóm 5, thị trấn Cầu Kè, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh để thực hiện giao dịch rút tiền từ máy rút tiền tự động (trụ ATM). Đến nơi bị cáo thấy bà Thạch Thị Sa N đang rút tiền bên trụ ATM bên phải (hướng từ ngoài nhìn vào). Do tiền trong trụ ATM chậm chạy ra nghĩ là việc giao dịch rút tiền không thành công nên bà Sa N qua trụ ATM bên trái để tiếp tục thực hiện việc giao dịch rút tiền. Lúc này, bị cáo đi vào trụ ATM bên phải để giao dịch rút tiền thì thấy số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) ở khay đựng tiền của trụ ATM bên phải. Biết số tiền trên là của bà Sa N nhưng vì

lòng tham nhất thời, bị cáo nảy sinh ý định lấy trộm. Bị cáo đứng xoay người để che phần khay đựng tiền không cho bà Sa N nhìn thấy rồi dùng tay trái lấy và cất giữ tiền. Sau khi lấy tiền xong, bị cáo quan sát thấy bà Sa N đã đi khỏi trụ ATM nên bị cáo bỏ số tiền vừa lấy trộm được vào túi quần phía sau bên trái rồi tiếp tục thực hiện việc giao dịch rút tiền. Sau khi thực hiện việc giao dịch rút tiền xong bị cáo điều khiển xe về nhà, hành vi trên của Võ Thanh T đã cấu thành tội phạm *"Trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Võ Thanh T phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 như kết luận của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, đều đúng quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, nên các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Xét tính chất mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, hành vi của bị cáo còn tác động xấu đến tình hình trật tự, trị an ở địa phương. Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đầy đủ sức khỏe, bị cáo phải nhận thức được hành vi lén lút lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do ý thức xem thường pháp luật nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi dẫn đến phạm tội. Vì vậy, để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, để giáo dục bị cáo biết tôn trọng pháp luật và tôn trọng tài sản của người khác, để bị cáo có điều kiện học tập và cải tạo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Đồng thời cũng nhằm mục đích răn đe, phòng chống tội phạm cho toàn xã hội.

[3] Song, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét, bị cáo Võ Thanh T trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo thể hiện thái độ ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã khắc phục hậu quả. Bị cáo có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có tiền án, tiền sự, phía bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 , khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và bản thân bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Mặt khác, xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc

phạt bị cáo cải tạo không giam giữ không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên không cần thiết phải cách ly xã hội đối với bị cáo, mà áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự phạt bị cáo Võ Thanh T cải tạo không giam giữ; giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh giám sát, giáo dục là thỏa đáng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

Do bị cáo Võ Thanh T không có nghề nghiệp ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vật chứng vụ án: số tiền 2.000.000 đồng bị cáo đã tự nguyện giao nộp. Công an thị trấn Cầu Kè đã trao trả cho bà Thạch Thị Sa N là đúng quy định pháp luật nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Võ Thanh T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

[8] Bị cáo; Bị hại được kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Võ Thanh T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Võ Thanh T 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Giao bị cáo Võ Thanh T cho Ủy ban nhân dân xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Võ Thanh T có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Võ Thanh T.

Về án phí: Buộc bị cáo Võ Thanh T nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- Công an huyện Cầu Kè;
- CCTHADS huyện Cầu Kè;
- UBND xã An Phú Tân
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Trúc Linh